

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS- ST
Ngày: 25/8/2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hoàn

2. Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST- DS, ngày 23 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS ngày 08/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M1 (JUPITER)

Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà C, Số B phố T, P. Y, Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật ông Hoàng Anh T – Tổng giám đốc Công ty cổ phần M1

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Giám đốc trung tâm xử lý nợ

- Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Ông Lê Phúc L – chuyên viên xử lý nợ

Số CCCD: 042098010160

2. Bà Ngô Thị N – chuyên viên xử lý nợ

Số CCCD: 038195011080

Cùng địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà B Đại lộ L, P. H, tỉnh. Thanh Hóa

2. Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng

Quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm thu hồi nợ.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tuấn A: Ông Nguyễn Như G – Trưởng phòng xử lý nợ

Địa chỉ: Tầng C TTTM T, số B Đại Lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Như G là ông Hà Văn T1 – Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 27-29 Đại lộ Lê Lợi, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
Số CCCD: 038093008168

- **Bị đơn:** Bà Bùi Thị N1 – Sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038162004994

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là bà N1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/03/2025 và trong các bản tự khai nguyên trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 10082804 ngày 28/11/2023 và khế ước nhận nợ ngày 30/11/2023 thì bà Bùi Thị N1 có vay của V1 số tiền cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 1,179,000,000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ một trăm bảy mươi chín triệu đồng);

+ Thời hạn vay: 12 tháng;

+ Lãi suất cho vay trong hạn: 7,49%;

Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 120 tháng được Bên Ngân hàng công bố (+) biên độ 4,0%/năm;

+ Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;

+ Lãi suất chậm trả: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.

Để đảm bảo cho việc thực hiện khoản nợ trên thì bà Bùi Thị N1 có thể chấp Ngân hàng: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 10, Bản đồ địa chính xã T; tại địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, (Nay là thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành AG 374639, Số vào sổ cấp GCN: H 01046 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 16/11/2006; Ngày 05/05/2022, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T để thừa kế toàn bộ diện tích thửa đất cho bà Bùi Thị N1. Việc thế chấp được đăng ký

giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 17/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024 và Phụ lục đính kèm giữa V1 với M1 thì V1 đồng ý bán và J đồng ý mua (các) khoản nợ của bà N1: Khoản nợ được xác định là 90% phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: 10082804 ngày 28/11/2023 nêu trên.

Căn cứ theo quy định của pháp luật, J là đơn vị kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của V1 phát sinh từ Hợp đồng nêu trên và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền yêu cầu bà N1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho J.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nêu trên, bà Bùi Thị N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 15/07/2024 mặc dù phía Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, gửi công văn yêu cầu thanh toán nhưng bà N1 vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Nguyên đơn.

Đến nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà Bùi Thị N1 phải thanh toán cho J và V1 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 25/08/2025 là: 1.420.189.103 đồng (trong đó, Nợ gốc: 1.179.000.000 đồng, Nợ lãi quá hạn và L1 chậm trả lãi: 241.189.103 đồng), trong đó:

+ Buộc bà Bùi Thị N1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tính đến ngày 25/08/2025 là: 1.290.229.648 đồng.

+ Buộc bà Bùi Thị N1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 25/08/2025 là: 129.959.455 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử bà N1 phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng nêu trên cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho J và V1. Trường hợp, bà N1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất mà bà N1 đã thế chấp tại Ngân hàng.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ thì J và V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà Bùi Thị N1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bà Bùi Thị N1 để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N1 đều vắng mặt không có lý do. Do đó không có ý kiến của bà N1 trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu ý kiến về

việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bà Bùi Thị N1 phải trả số tiền gốc, tiền lãi và các khoản khác phát sinh theo quy định của pháp luật. Bà N1 phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày 25/8/2025 cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Nếu Bà Bùi Thị N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết.

Về án phí: Do bị đơn là người cao tuổi nên đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn, trả lại số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP V, Công ty cổ phần M1 và bà Bùi Thị N1 đang tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” do Bà N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là Bà Bùi Thị N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Đây là biện pháp thu thập chứng cứ do Tòa án tiến hành nên căn cứ khoản 2 Điều 21 BLTTDS, Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, TAND Khu vực 7 – Thanh Hóa thông báo cho VKSND Khu vực 7 – Thanh Hóa biết để thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bà N1 và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp họp lệ bà N1 đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tại phiên tòa, bà N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082804 ký ngày 28/11/2023 và Hợp đồng thế chấp số LN2205115742206 Số Công chứng 5898 Quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 16/05/2022 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, việc ký kết hợp đồng giữa bà N1 với Ngân hàng TMCP V được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, phần cuối hợp đồng có chữ ký của người vay tiền, người thế chấp tài sản là bà Bùi Thị N1, chữ ký và đóng dấu của bên phía Ngân hàng. Nội dung của hợp đồng không vi pháp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp.

[5]. Ngày 27/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP V và công ty Cổ phần M1 đã ký kết hợp đồng mua bán nợ. Theo Hợp đồng mua bán nợ số 17/2024/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công ty Cổ Phần M1 thì V1 đồng ý bán và Công ty Cổ Phần M1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà Bùi Thị N1, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082804 ký ngày 28/11/2023 mà bà Bùi Thị N1 đã ký kết với ngân hàng TMCP V. Đồng thời Ngân hàng V chuyển giao quyền chủ nợ, công ty K đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V2 đối với khoản nợ đã mua và quyền đối với tài sản đảm bảo liên quan đến khoản nợ của bà Bùi Thị N1. Hợp đồng giữa các bên ký kết tuân thủ đúng quy định của pháp luật dân sự, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp. Do đó công ty cổ phần M1 được quyền kế thừa đầy đủ quyền của ngân hàng TMCP V đối với khoản nợ mà bà Bùi Thị N1 đã vay ngân hàng và quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

[6]. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ: Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082804 ký ngày 28/11/2023 và Khế ước nhận nợ bà Bùi Thị N1 được Ngân hàng TMCP V cho vay tổng số tiền là 1.179.000.000 đồng. Từ ngày 30/11/2023 đến nay, bà N1 vi phạm nghĩa vụ không tiếp tục trả được nợ cho ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng. Ngân hàng và công ty cổ phần M1 yêu cầu cả bà N1 có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Do đó

cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Bùi Thị N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V và công ty cổ phần M1 tổng số tiền tính đến ngày xét xử ngày 25/08/2025 số tiền là: 1.420.189.103 đồng (trong đó, Nợ gốc: 1.179.000.000 đồng, Nợ lãi quá hạn và L1 chậm trả lãi: 241.189.103 đồng), trong đó: Buộc bà Bùi Thị N1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền tính đến ngày 25/08/2025 là: 1.290.229.648 đồng. Buộc bà Bùi Thị N1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 25/08/2025 là: 129.959.455 đồng.

[7]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng và công ty cổ phần M1 đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi, phí phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến ngày bà N1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V và công ty cổ phần M1. Xét thấy thỏa thuận này đã được các bên giao kết trong Hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng và công ty cổ phần M2.

[8] Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Nếu bà Bùi Thị N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2205115742206 Số Công chứng 5898 Quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 16/05/2022. Yêu cầu này là phù hợp với hợp đồng thế chấp tài sản hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét tại chỗ, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến sẽ chịu toàn bộ chi phí này không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi, do đó miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn. Nguyên đơn được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 275, 280, 292, 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, khoản 1 Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 74; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và công ty cổ

phần M1. Buộc bà Bùi Thị N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V và công ty cổ phần M1 tổng số tiền là: **1.420.189.103** đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi triệu một trăm tám mươi chín nghìn một trăm linh ba đồng). Trong đó, T2 nợ gốc: 1.179.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn và L1 chậm trả lãi: 241.189.103 đồng. Tiền nợ lãi được tính đến ngày xét xử ngày 25/8/2025. Cụ thể trách nhiệm trả nợ cho từng bên như sau:

- Buộc bà Bùi Thị N1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền là: **1.290.229.648** đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi triệu hai trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng)

- Buộc bà Bùi Thị N1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là: **129.959.455** đồng (Một trăm hai mươi chín triệu chín trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng);

Bà Bùi Thị N1 phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, ngày 25/08/2025 cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo thỏa thuận Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082804 ngày 28/11/2023 đã ký kết giữa ngân hàng TMCP V với bà Bùi Thị N1. Lãi phát sinh phải trả cho Ngân hàng TMCP V và công ty Cổ phần M1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ

2. Nếu bà Bùi Thị N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V và công ty cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2205115742206 Số Công chứng 5898 Quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 16/05/2022.

Chi tiết tài sản bảo đảm như sau: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền gắn liền với đất tại Thửa đất số: 12, Tờ bản đồ số: 10, địa chỉ: Thôn B, Xã T, Tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AG 374639, Số vào sổ cấp GCN. H 01046 do UBND huyện T cấp ngày 16/11/2006 và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T xác nhận thay đổi thông tin ngày 05/05/2022, người sử dụng đất là bà Bùi Thị N1

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông bà Bùi Thị N1. Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 3.343.978 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng), trả lại cho Công ty cổ phần M1 số tiền 24.057.483 đ (Hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng) là tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP V và công ty cổ phần

M1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003857 ngày 22/04/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa).

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lưu Đình Tâm Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Hải